

# THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI TOÀN CẦU HOÁ

Phạm Thành Nghị

*Viện Nghiên cứu Con người.*

## 1. Toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá là quá trình rút ngắn khoảng cách giữa các quốc gia, làm cho con người ngày càng thấy mình sống trong một thế giới giống như một nơi chốn duy nhất. Ủy ban Châu Âu cho rằng: "Toàn cầu hóa có thể định nghĩa như một quá trình mà thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau đang trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau do tính năng động của việc buôn bán hàng hóa và dịch vụ cũng như tính năng động của sự lưu thông vốn tư bản và công nghệ". Một quan niệm hiện đại xem "toàn cầu hoá là hiện tượng toàn cầu về sự trao đổi công nghệ, kinh tế, chính trị và văn hoá thông qua những phương tiện liên lạc, vận tải hiện đại và hạ tầng pháp lý cũng như sự lựa chọn chính trị để mở cửa biên giới cho thương mại và tài chính quốc tế" (Wikipedia). Toàn cầu hoá diễn ra trước hết trong lĩnh vực kinh tế và thương mại, tạo ra nền thương mại và một thị trường toàn cầu, trước hết cho hàng hoá thông thường, sau đó phát triển thị trường vốn, thị trường lao động và thị trường công nghệ. Toàn cầu hoá còn diễn ra trong lĩnh vực văn hoá, chính trị và xã hội.

Người ta thống nhất về tính hai mặt của toàn cầu hoá. Một mặt, toàn cầu hoá tác động tích cực đến phát triển kinh tế, phát triển công nghệ, làm tăng mức sống người dân, tăng cường giao lưu văn hoá, tăng cường dân chủ và phát triển xã hội. Nhưng mặt khác, toàn cầu hoá cũng tấn công vào chủ quyền quốc gia, làm xói mòn nền văn hoá truyền thống, đe dọa ổn định kinh tế, chính trị và xã hội. Toàn cầu hoá là xu thế tất yếu, mỗi quốc gia chịu ảnh hưởng của toàn cầu hoá ở mức độ khác nhau và tùy theo điều kiện cụ thể có thể lựa chọn mức độ tham gia khác nhau vào quá trình này, qua đó tận dụng cơ hội và hạn chế những tác động tiêu cực của toàn cầu hoá.

Ở Việt Nam, toàn cầu hoá đang ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của đời sống. Hiểu biết và nhìn nhận về toàn cầu hoá là vấn đề phức tạp, bởi vì sự hiểu biết không thể chỉ giới hạn trong giới lãnh đạo, giới quản lý cấp cao. Sự nhận thức đúng và thái độ tích cực của người dân và cán bộ cấp cơ sở đối với toàn

cầu hoá là chỉ báo tốt của sự sẵn sàng hội nhập quốc tế của quốc gia. Năm bắt được mức độ được chuẩn bị của người dân, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý có cơ sở để chuẩn bị kế hoạch và xác định bước đi phù hợp cho quá trình hội nhập của đất nước.

Thái độ sẵn sàng hội nhập có thể thấy ở nhận thức tính tất yếu của toàn cầu hoá, đánh giá về ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá; lợi ích của hội nhập quốc tế, trách nhiệm thực thi cam kết quốc tế, trách nhiệm của Nhà nước và người dân trong khắc phục hậu quả tiêu cực do toàn cầu hoá gây ra và đặc biệt là sự cảm nhận, sự chia sẻ và gánh vác trách nhiệm của quốc gia thành viên trong cộng đồng quốc tế.

Để làm rõ thái độ của người dân Việt Nam đối với toàn cầu hoá, trong bài viết này, chúng tôi sử dụng số liệu của cuộc điều tra của Viện Nghiên cứu Con người với sự tài trợ của Đại học Glasgow, Scotland, tiến hành vào tháng 9 năm 2003. Bộ câu hỏi được chuẩn bị trên cơ sở kết quả 4 cuộc phỏng vấn nhóm tại Hà Nội, Hoà Bình, T/p Hồ Chí Minh và Tây Ninh. 1.500 người dân và 500 cán bộ cơ sở cấp xã, phường được lựa chọn để trả lời bằng hỏi. Việc chọn mẫu được tiến hành theo phương pháp phân tầng. 200 điểm điều tra được phân bố theo 8 vùng kinh tế theo tỷ lệ dân số. Tại mỗi điểm điều tra, 7 hoặc 8 hộ dân được lựa chọn theo phương pháp đi bộ ngẫu nhiên với khoảng cách giữa các hộ được xác định trước; người trả lời trong mỗi hộ được chọn theo Bảng Kish. Tại mỗi điểm, 2 hoặc 3 cán bộ được lựa chọn ngẫu nhiên theo danh sách cán bộ có tại xã, phường để trả lời phiếu hỏi. Số liệu được xử lý theo chương trình SPSS 10.0.

## **2. Thái độ của người dân Việt Nam đối với toàn cầu hoá**

Có nhiều quan điểm khác nhau trong đánh giá tác động của toàn cầu hoá, nhưng nhìn chung, có thể đánh giá tác động của toàn cầu hoá trên hai mặt: tích cực và tiêu cực. Người dân có thể cảm nhận tác động tích cực của toàn cầu hoá đến đời sống kinh tế, mức sinh hoạt văn hoá, tiếp cận thông tin của cá nhân và cộng đồng. Trong số những tác động tích cực đó, có thể kể đến sự đa dạng và chất lượng cao của hàng hoá, sự gia tăng việc làm và việc cải thiện điều kiện làm việc, ý tưởng mới về phát triển văn hoá và các hình thức hưởng thụ văn hoá v.v... Đồng thời, người dân cũng cảm nhận được sự gia tăng của những tiêu cực, như khoảng cách giàu nghèo ngày càng rộng ra tạo thêm bất bình đẳng xã hội, hiện tượng tiêu cực trong xã hội gia tăng, sự du nhập văn hoá tràn lan làm suy thoái các giá trị văn hoá, đạo đức dân tộc, xuất hiện nguy cơ bất ổn định chính trị - xã hội, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra căng thẳng hơn, nguy cơ thua thiệt trong làm ăn kinh tế rõ rệt hơn.

Người dân Việt Nam, ở những vị trí khác nhau, với những nhận thức khác nhau, có thái độ khác nhau với toàn cầu hoá. Nhưng nhìn chung, người

dân và cán bộ cơ sở cho rằng, toàn cầu hoá có tác động tích cực là chính (80% ý kiến người dân và 85,8% ý kiến cán bộ cơ sở). Người dân và cán bộ cơ sở cũng khẳng định hội nhập là "lối đi duy nhất" của Việt Nam trong quá trình CNH, HĐH (61,1% ý kiến của người dân và 68,2% cán bộ cơ sở).

Thông qua quan hệ với các đối tác nước ngoài, chúng ta học được rất nhiều. 85,2% người dân và 94,6% cán bộ được hỏi khẳng định rằng, chúng ta học được nhiều hoặc rất nhiều từ các đối tác nước ngoài trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh. Điều này cũng dễ hiểu, khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường và tăng cường mở cửa, hội nhập, cách quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp trong cơ chế thị trường còn rất mới mẻ đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Ngay cả trong điều hành nền kinh tế vĩ mô, những bài học của nước ngoài vẫn không thể thiếu. Trong lĩnh vực chính trị, xã hội và gia đình, mặc dù tỷ lệ ý kiến cho rằng chúng ta có thể học tập được điều gì đó có thấp hơn, nhưng đa số ý kiến người dân và cán bộ cơ sở vẫn khẳng định chúng ta có thể học được từ các đối tác trong quá trình hội nhập. "Chúng ta có thể học được gì đó trong lĩnh vực chính trị" được 65,2% người dân và 72,2% cán bộ được hỏi khẳng định; trong lĩnh vực xã hội và gia đình, tỷ lệ ý kiến khẳng định tương ứng là 64,5% và 68%. Trong ba lĩnh vực kể trên, người dân và cán bộ cơ sở đều cho rằng, chúng ta học được nhiều nhất từ đối tác nước ngoài trong làm ăn kinh tế. Cán bộ cơ sở đánh giá tích cực hơn về ảnh hưởng của toàn cầu hoá và cơ hội học hỏi từ các đối tác nước ngoài so với người dân.

Việc đánh giá tích cực ảnh hưởng của toàn cầu hoá đến các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và gia đình ở Việt Nam của người dân và cán bộ cơ sở có thể lý giải rằng, đầu tư nước ngoài đã giúp gia tăng tốc độ phát triển kinh tế của nước ta, đặc biệt, các công ty nước ngoài đã tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương, tham gia vào việc cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Điều này đã được 84,5% người dân và 83,4% cán bộ cơ sở Việt Nam khẳng định trong cuộc điều tra này. Tuy nhiên, việc có mặt của đầu tư nước ngoài chỉ được 42,9% người dân và 44,4% cán bộ cơ sở cho rằng, có thể góp phần tích cực làm thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa người lao động có trình độ cao và người lao động có trình độ trung bình.

Vấn đề bảo hộ luôn được đặt ra đối với mọi quốc gia trong quá trình hội nhập. Đối với Việt Nam, một nước với 75% dân số sống ở nông thôn và 59% lao động làm nông nghiệp, việc bảo hộ với nông dân luôn là vấn đề quan trọng. 81,2% ý kiến người dân và 80,2% ý kiến cán bộ cơ sở cho rằng, nông dân cần được bảo hộ trước sự cạnh tranh của nước ngoài. Trong khi đó, đối với doanh nghiệp nói chung, tỷ lệ ủng hộ việc bảo hộ thấp hơn, tương ứng là 75,3% người dân và 71,1% cán bộ được hỏi.

Trong cạnh tranh quốc tế khi hội nhập, nhiều doanh nghiệp, doanh nhân và người lao động có thể bị phá sản hoặc mất việc làm, việc hỗ trợ của Nhà

nước đối với họ là cần thiết. 66,5% người dân và 63% cán bộ được hỏi cho rằng, cần phải giúp đỡ những người thất bại; trong khi đó cũng có tới 18,4% người dân và 24,2% cán bộ được hỏi lại cho rằng những người này phải tự làm việc để giải quyết vấn đề của chính họ. Đa số người được hỏi đồng ý giúp đỡ, nhưng 71,8% người dân và 78,4% cán bộ được hỏi cho rằng, giúp đỡ bằng tư vấn và đào tạo là phù hợp; chỉ 7,5% người dân và 6,4% cán bộ được hỏi cho rằng, cần trợ cấp cho họ để duy trì công ty; và chỉ 5,6% người dân và 6,0% cán bộ được hỏi thấy cần thiết phải hỗ trợ trực tiếp để duy trì cuộc sống của người thất nghiệp. Rõ ràng, người dân Việt Nam vẫn muốn giúp đỡ người gặp khó khăn theo cách "cung cấp cần câu hơn là cung cấp con cá". Điều này thể hiện quan điểm hỗ trợ tiến bộ, tạo ra sự phát triển bền vững.

Về mặt văn hoá, đồng thời với tác động tích cực, toàn cầu hoá gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến văn hoá, lối sống truyền thống. Người dân và cán bộ cơ sở cho rằng, toàn cầu hoá gây ảnh hưởng tiêu cực lớn nhất đến văn hoá, làm mai một bản sắc văn hoá truyền thống. 42,6% người dân và 52,8% cán bộ cơ sở cho rằng, lối sống, văn hoá truyền thống đang bị mai một. Theo họ, văn hoá Việt Nam đang ngày càng giống với văn hoá nước ngoài, nhưng cũng theo nhận định của họ, đó là xu thế khó tránh khỏi (56,1% ý kiến người dân và 55,8% ý kiến cán bộ cơ sở).

Trong văn hoá, những lĩnh vực được đánh giá là dễ bị tác động nhất của toàn cầu hoá là hành vi xã hội, quan hệ gia đình (35,8% ý kiến người dân và 45% ý kiến cán bộ cơ sở), tiếp đến là trang phục (22% ý kiến người dân và 17,6% ý kiến cán bộ cơ sở) và truyền hình (17,3% ý kiến người dân và 19,2% ý kiến cán bộ cơ sở). Hành vi xã hội và quan hệ gia đình là lĩnh vực, người dân lo ngại, chịu tác động tiêu cực nhiều của toàn cầu hoá. Do vậy, đại bộ phận người dân và cán bộ cơ sở (92,8% người dân và 94,8% cán bộ được hỏi) cho rằng cần phải bảo vệ lối sống của nhân dân ta trước ảnh hưởng của nước ngoài.

Về thái độ đối với người nước ngoài, đại bộ phận người dân (71,6% ý kiến người dân và 71,6% ý kiến cán bộ cơ sở) cho rằng, người nước ngoài đến là tốt cho Việt Nam. Trong số các nhóm người đến Việt Nam, chuyên gia trình độ cao được chào đón nhiều nhất (87,3% ý kiến người dân và 90% ý kiến cán bộ cơ sở); tiếp đến là doanh nhân quốc tế (80,4% ý kiến người dân và 82,6% ý kiến cán bộ cơ sở), ở vị trí thứ ba là khách du lịch giàu có (77% ý kiến người dân và 76,8% ý kiến cán bộ cơ sở), ở vị trí thứ tư là "Tây ba lô" (44,7% ý kiến người dân và 45,4% ý kiến cán bộ cơ sở) và cuối cùng công nhân trình độ thấp từ các nước kém phát triển (32,9% ý kiến người dân và 33,2% ý kiến cán bộ cơ sở).

Trong quan hệ quốc tế, nguyên tắc hai bên cùng có lợi luôn được Đảng và Nhà nước ta tôn trọng. Nguyên tắc này đã ảnh hưởng rất lớn đến quan niệm của người dân. Theo họ, Việt Nam và các nước giàu đều hưởng lợi từ mở cửa

nền kinh tế nước ta. 34,3% ý kiến người dân và 33,2 ý kiến cán bộ cơ sở cho rằng, Việt Nam hưởng lợi nhiều nhất, trong khi đó cũng có 30,7% người dân và 35,6% cán bộ cơ sở cho rằng các nước giàu hưởng lợi nhiều hơn. Sự khác biệt ở đây là không đáng kể giữa hai nhóm ý kiến.

Có nhiều ý kiến cho rằng, khi mở cửa nền kinh tế, các công ty nước ngoài mang công nghệ mới vào giúp kinh tế nước ta tăng trưởng, song cũng có những ý kiến ngược lại cho rằng, các công ty này vào làm ăn đã bóc lột người dân Việt Nam. Kết quả điều tra cho thấy, đại bộ phận người dân và cán bộ cơ sở được hỏi cho rằng, các công ty nước ngoài đã giúp Việt Nam phát triển (tương ứng là 67,2% và 70,4% ý kiến); số người có ý kiến ngược lại chiếm tỷ lệ nhỏ hơn nhiều (14,5% người dân và 15,2% cán bộ được hỏi). Rõ ràng, tại thời điểm hiện tại, người Việt Nam đang mong muốn doanh nhân nước ngoài vào đầu tư, làm ăn và có thái độ ủng hộ khá mạnh mẽ.

Đối với các tổ chức quốc tế, người dân và cán bộ cơ sở ở nước ta đánh giá khá cao vai trò của các tổ chức quốc tế trong hành động vì nước nghèo (37,8% ý kiến người dân và 42,2% ý kiến cán bộ được hỏi); tuy nhiên cũng có 24,4% người dân và 25,6% cán bộ được hỏi cho rằng các tổ chức này hành động vì các nước giàu.

Đối với các nước lớn, người dân và cán bộ cơ sở Việt Nam thiên về quan điểm cho rằng các nước này hành động thiếu công bằng (46,8% ý kiến người dân và 56,8% ý kiến cán bộ được hỏi). Trong khi đó, một bộ phận nhỏ hơn người dân và cán bộ cho rằng các nước này hành động công bằng ở các mức độ khác nhau (tương ứng là 35,1% và 33,4%). Rõ ràng, ở khía cạnh này, người dân và cán bộ cơ sở ở nước ta tin tưởng các tổ chức quốc tế hơn các nước lớn trong hành động toàn cầu.

Sự cam kết quốc tế mạnh mẽ của Việt Nam và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế đã tác động rất lớn đến thái độ của người dân khi xem xét có nên trở thành thành viên các tổ chức quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế hay không. 71,3% ý kiến người dân và 79,6% ý kiến cán bộ cơ sở ủng hộ nước ta trở thành thành viên các tổ chức quốc tế như WTO, WB, IMF v.v... Khi tham gia hỗ trợ các dự án nhân đạo quốc tế hay gìn giữ hoà bình, các nước thành viên thường đặt một số đơn vị quân đội của mình dưới quyền điều khiển của Liên hợp quốc. Số người Việt Nam ủng hộ việc này thấp hơn số người Việt Nam phản đối (27% ý kiến người dân và 26,6% ý kiến cán bộ cơ sở ủng hộ so với 47,4% ý kiến người dân và 57,2% ý kiến cán bộ cơ sở phản đối). Điều này cũng dễ hiểu, bởi đây là vấn đề mới, chưa có thông lệ ở Việt Nam, trong quá trình hội nhập sâu hơn của nước ta vào các hoạt động quốc tế, thái độ của người dân có thể sẽ thay đổi.

Người Việt Nam, nhìn chung, có thái độ ôn hoà trong việc giải quyết các vi phạm pháp luật. Điều này cũng đúng trong việc xử lý các công ty nước

ngoài gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. Khi các công ty nước ngoài gây ô nhiễm môi trường, tỷ lệ người dân và cán bộ cơ sở phản đối dùng các hình thức bạo lực trong đấu tranh là khá cao (49,3% ý kiến người dân và 53,6% ý kiến cán bộ cơ sở). Các hình thức người dân khuyến nghị sử dụng là ký kháng nghị, phản đối trên báo chí (76,4% ý kiến), khiếu nại với các cơ quan công quyền (90,8%) và yêu cầu sự can thiệp của các nhóm môi trường quốc tế hoặc tẩy chay sản phẩm của các công ty này (38,7% ý kiến).

Đối với những hàng hóa sản xuất bằng các phương pháp gây ô nhiễm hoặc làm hại sức khoẻ người sản xuất ở nước ngoài, đại đa số người dân và cán bộ cơ sở đề nghị cấm nhập khẩu (65,5% ý kiến người dân và 71,4% ý kiến cán bộ cơ sở). Đối với hàng hoá do trẻ em sản xuất ở nước ngoài, tỷ lệ người dân và cán bộ được hỏi ủng hộ việc cấm nhập khẩu khá cao (48,3% người dân và 53% cán bộ được hỏi).

Khi hàng hoá do các công ty Việt Nam sản xuất bằng các phương pháp gây ô nhiễm hoặc làm hại đến sức khoẻ công nhân, có tới 39,0% ý kiến người dân và 45,8% ý kiến cán bộ cơ sở đồng ý cấm xuất khẩu để giúp cải thiện tình hình ở nước ta, trong khi đó, 24,8% ý kiến người dân và 22% ý kiến cán bộ cơ sở phản đối việc cấm xuất khẩu do điều này sẽ làm tình hình trong nước xấu đi vì hàng hoá của Việt Nam có thể bị loại ra khỏi thị trường thế giới. Đối với hàng hoá do trẻ em sản xuất, 33,3% ý kiến người dân và 40,8% ý kiến cán bộ cơ sở đồng ý cấm xuất khẩu để giúp cải thiện tình hình ở nước ta và 26,5% ý kiến người dân và 24% ý kiến cán bộ cơ sở phản đối việc cấm xuất khẩu này vì lo ngại hàng hoá nước ta có thể bị loại khỏi thị trường thế giới.

Đối với các công ty nước ngoài gây ô nhiễm ở Việt Nam, người dân và cán bộ cơ sở, ngoài việc phản đối (79,1% ý kiến người dân và 81,0% ý kiến cán bộ cơ sở), còn muốn người dân các nước khác cùng tham gia phản đối các công ty này trên đất nước của họ (70,3% ý kiến người dân và 81% ý kiến cán bộ cơ sở). Trong trường hợp các tổ chức quốc tế làm hại cho các nước nghèo, người Việt Nam thấy ngoài việc trực tiếp phản đối (70,1% ý kiến người dân và 70,4% ý kiến cán bộ cơ sở), còn muốn những người cảm thông ở các nước khác cùng tham gia (56,6% ý kiến người dân và 61,8% ý kiến cán bộ cơ sở). Qua đây, chúng ta có thể thấy người Việt Nam có ý thức cộng đồng quốc tế khá cao, họ muốn cùng chịu trách nhiệm với cộng đồng quốc tế và cũng muốn cộng đồng quốc tế làm như vậy để ủng hộ Việt Nam.

*Tóm lại*, mặc dù nước ta mở cửa nền kinh tế và tham gia hội nhập quốc tế chưa lâu, nhưng thái độ của người dân được ghi nhận là khá tích cực. Thái độ này thể hiện một phần sự sẵn sàng của nước ta trong tham gia vào nền kinh tế thế giới. Sự tham gia vào quá trình toàn cầu hoá càng sâu rộng thì sự cam kết thực thi luật pháp quốc tế của nước ta càng mạnh mẽ. Đặc biệt, trong điều kiện mạng thông tin phát triển mạnh, trải rộng khắp mọi miền, do vậy, người dân có

điều kiện kết nối một cách thuận tiện và nhanh chóng với những người khác ở các vùng khác nhau trên thế giới. Qua đó, người dân sẽ có thái độ đúng đắn hơn đối với việc tham gia hội nhập quốc tế, thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế của mình cũng như của đất nước mình trong quá trình hội nhập. Đây là một xu thế tích cực giúp nước ta phát triển lành mạnh hơn, bền vững hơn trong tương lai.

### **Tài liệu tham khảo**

1. R. King, *The University in the Global Age*. Palgrave. 2004.
2. Wikipadia: [www.wikipedia.org](http://www.wikipedia.org).